

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	9 - 32



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước thuộc Sở Công nghiệp - Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Bắc Kạn, được thành lập theo Quyết định số 312/QĐ-UB ngày 05/4/2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn. Công ty được chuyển đổi (CPH) từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn theo Quyết định số 3020a/QĐ-UBND ngày 30/11/2005 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Khoáng sản Bắc Kạn thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1303000062 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn cấp lần đầu ngày 29 tháng 3 năm 2006, Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4700149595 thay đổi lần thứ 11 (mười một) ngày 06 tháng 11 năm 2018.

Vốn điều lệ theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4700149595 thay đổi lần thứ 11 (mười một) ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Công ty là 117.377.280.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm mười bảy tỷ, ba trăm bảy mươi bảy triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: BACKAN MINERAL JOINT STOCK COPRORATION.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội; Mã cổ phiếu: BKC.

Trụ sở chính của Công ty tại: tổ 4, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Theo thông báo số 831/TB-SGDHN ngày 20/8/2020, cổ phiếu BKC của Công ty không được phép giao dịch ký quỹ từ ngày 24/8/2020.

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty đã điều hành Công ty trong suốt năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Ông Vũ Phi Hổ	Chủ tịch
	Ông Đinh Văn Hiến	Ủy viên
	Ông Mai Thanh Sơn	Ủy viên
	Ông Nguyễn Huy Hoàn	Ủy viên
	Ông Nguyễn Trần Nhất	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đinh Văn Hiến	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trần Nhất	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Gia Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Quyền	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Đình Thắng	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Thế Phòng	Trưởng ban
Ông Đặng Thanh Vân	Thành viên
Ông Bùi Đức Hùng	Thành viên

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31/12/2020 kèm theo.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính riêng để Báo cáo tài chính riêng không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Đinh Văn Hiến

Người đại diện pháp luật

Bắc Kạn, ngày 24 tháng 3 năm 2021

Số: 127/2021/BCKT-CPA VIETNAM-NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính riêng năm 2020 của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn, được lập ngày 24/3/2021, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm Bảng Cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2020, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi chưa thu thập được Báo cáo tài chính của Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn - Lào cho năm tài chính kết thúc tại thời điểm 31/12/2019 và 31/12/2020 cũng như không thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để đánh giá về khả năng thu hồi của khoản đầu tư này tại thời điểm 31/12/2020 và đưa ra các đề nghị điều chỉnh kế toán (nếu có) đối với khoản đầu tư trên theo Phương pháp vốn chủ sở hữu cho Báo cáo tài chính riêng. Do vậy, chúng tôi không đưa ra ý kiến về khoản đầu tư này tại thời điểm 31/12/2020 cũng như ảnh hưởng đối với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty.

Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 5.4, Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng, tại thời điểm 31/12/2020 trong số dư Phải thu khác dài hạn của Công ty có các khoản phải thu chuyển tiền ứng vốn lưu động cho Công ty con - Công ty TNHH Việt Trung phục vụ sản xuất kinh doanh theo thỏa thuận tại hợp đồng số 156 ngày 08/12/2016. Các khoản phải thu này không có các tài sản đảm bảo nên có thể tồn tại rủi ro về khả năng thu hồi. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và tin tưởng rằng sẽ thu hồi được toàn bộ các khoản phải thu này trong tương lai và không có ảnh hưởng trọng yếu khác đến Báo cáo tài chính. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề này.



Bùi Thị Thúy
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2021/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2021 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2021

Nguyễn Thị Mai Hoa
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2018-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		251.971.425.659	221.217.097.775
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	1.507.197.641	2.561.252.203
1. Tiền	111		1.507.197.641	2.561.252.203
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		109.969.483.695	106.292.572.440
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	91.353.849.789	106.045.067.787
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	22.226.739.941	3.530.450.207
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	1.735.003.288	1.927.990.388
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(5.346.109.323)	(5.210.935.942)
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	136.106.548.921	109.685.754.963
1. Hàng tồn kho	141		137.557.889.905	111.137.095.947
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.451.340.984)	(1.451.340.984)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.388.195.402	2.677.518.169
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.11	4.331.673.503	2.357.385.398
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		56.521.899	56.521.899
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.13	-	263.610.872
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		163.434.733.827	162.781.011.139
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		55.137.521.337	50.025.042.201
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	55.137.521.337	50.025.042.201
II. Tài sản cố định	220		78.571.844.169	76.437.049.471
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	78.373.087.930	76.158.790.736
- Nguyên giá	222		202.969.351.692	185.296.490.481
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(124.596.263.762)	(109.137.699.745)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	198.756.239	278.258.735
- Nguyên giá	228		1.111.264.959	1.111.264.959
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(912.508.720)	(833.006.224)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		6.925.798.347	12.467.648.099
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	6.925.798.347	12.467.648.099
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.10	19.988.251.895	19.988.251.895
1. Đầu tư vào công ty con	251		20.000.000.000	20.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		6.205.922.401	6.205.922.401
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		15.257.416.075	15.257.416.075
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(21.475.086.581)	(21.475.086.581)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.811.318.079	3.863.019.473
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	2.811.318.079	3.863.019.473
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		415.406.159.486	383.998.108.914

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		246.875.756.612	197.031.857.432
I. Nợ ngắn hạn	310		236.875.756.612	192.031.857.432
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	14.955.678.179	12.224.618.145
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		653.907.190	637.775.688
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	4.055.810.738	9.271.090.348
4. Phải trả người lao động	314		3.906.145.594	3.473.836.731
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	13.733.918.534	6.485.327.456
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	13.556.706.685	13.810.168.577
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	185.937.048.942	146.052.499.737
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		76.540.750	76.540.750
II. Nợ dài hạn	330		10.000.000.000	5.000.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16	10.000.000.000	5.000.000.000
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		168.530.402.874	186.966.251.482
(400 = 410)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.17	168.530.402.874	186.966.251.482
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		117.377.280.000	117.377.280.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		117.377.280.000	117.377.280.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		17.052.895.190	17.052.895.190
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		15.574.071.618	15.574.071.618
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		18.526.156.066	36.962.004.674
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		36.962.004.674	21.805.671.748
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(18.435.848.608)	15.156.332.926
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		415.406.159.486	383.998.108.914
(440 = 300+400)				

Bắc Kạn, ngày 24 tháng 3 năm 2021

Người lập

Kế toán trưởng

Người đại diện pháp luật



Trần Thị Tuyết



Trần Thị Yên



Đình Văn Hiến

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.18	214.619.177.986	234.184.850.605
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		214.619.177.986	234.184.850.605
4. Giá vốn hàng bán	11	5.19	208.315.865.825	199.905.153.897
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		6.303.312.161	34.279.696.708
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.20	11.504.500	4.372.784.047
7. Chi phí tài chính	22	5.21	15.296.377.606	19.966.227.857
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		15.296.377.606	11.932.463.677
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.22	10.657.833.810	12.114.809.649
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		(19.639.394.755)	6.571.443.249
11. Thu nhập khác	31	5.23	4.639.857.981	14.712.139.636
12. Chi phí khác	32	5.23	3.436.311.834	2.167.878.760
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.23	1.203.546.147	12.544.260.876
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		(18.435.848.608)	19.115.704.125
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.24	-	3.959.371.199
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(18.435.848.608)	15.156.332.926

Bắc Kạn, ngày 24 tháng 3 năm 2021

Người lập

Kế toán trưởng

Người đại diện pháp luật



Trần Thị Tuyết



Trần Thị Yên



Đình Văn Hiến

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2020	Năm 2019
		VND	VND
		4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(18.435.848.608)	19.115.704.125
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	15.538.066.513	19.274.579.766
- Các khoản dự phòng	03	135.173.381	9.913.228.315
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(11.504.500)	(13.855.529.582)
- Chi phí lãi vay	06	15.296.377.606	11.932.463.677
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	12.522.264.392	46.380.446.301
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(8.660.952.900)	(89.562.423.727)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(26.420.793.958)	9.877.655.961
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	5.423.743.918	960.934.471
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(922.586.711)	1.595.976.560
- Tiền lãi vay đã trả	14	(9.895.969.687)	(8.231.842.836)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.959.971.199)	(4.232.776.065)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(31.914.266.145)	(43.212.029.335)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(14.035.842.122)	(6.025.513.843)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	10.000.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(6.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	6.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(11.524.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11.504.500	488.243.549
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(14.024.337.622)	(7.061.270.294)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền thu từ đi vay	33	212.860.452.080	226.898.625.286
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(167.975.902.875)	(174.337.276.417)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	44.884.549.205	52.561.348.869
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(1.054.054.562)	2.288.049.240
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.561.252.203	273.202.963
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	1.507.197.641	2.561.252.203

Bắc Kạn, ngày 24 tháng 3 năm 2021

Người lập

Kế toán trưởng

Người đại diện pháp luật

Trần Thị Tuyết

Trần Thị Yến

Đình Văn Hiến

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước thuộc Sở Công nghiệp - Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Bắc Kạn, được thành lập theo Quyết định số 312/QĐ-UB ngày 05/4/2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn. Công ty được chuyển đổi (CPH) từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn theo Quyết định số 3020a/QĐ-UBND ngày 30/11/2005 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Khoáng sản Bắc Kạn thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1303000062 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn cấp lần đầu ngày 29 tháng 3 năm 2006, Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4700149595 thay đổi lần thứ 11 (mười một) ngày 06 tháng 11 năm 2018.

Vốn điều lệ theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4700149595 thay đổi lần thứ 11 (mười một) ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Công ty là 117.377.280.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm mười bảy tỷ, ba trăm bảy mươi bảy triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: BACKAN MINERAL JOINT STOCK COPRORATION.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội; Mã cổ phiếu: BKC.

Theo thông báo số 831/TB-SGDHN ngày 20/8/2020, cổ phiếu BKC của Công ty không được phép giao dịch ký quỹ từ ngày 24/8/2020.

Trụ sở chính của Công ty tại tổ 4 phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Số lao động tại ngày 31/12/2020 là 351 người (tại ngày 31/12/2019 là 406 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Nghành nghề kinh doanh: Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại và quý hiếm; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu; Hoạt động công ty nắm giữ tài sản; Bán buôn thực phẩm; Chế biến và bảo quản hoa quả; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác, Chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khai khoáng, xây dựng; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Tái chế phế liệu; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. chi tiết: hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác, Chi tiết: thăm dò khoáng sản; Chung, tinh cất và pha chế rượu mạnh; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Khai thác, chế biến và kinh doanh xuất nhập khẩu khoáng sản, kim loại đen, kim loại màu và kim loại quý hiếm; Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu nước giải khát,....

Hiện tại, Công ty quản lý và khai thác các mỏ sau: Mỏ chì kẽm Nà Bốp - Pù Sáp, thời hạn khai thác đến tháng 12/2029; Mỏ Chì Kẽm - Nà Duông, thời hạn khai thác đến hết năm 2030.

1.3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng

1.4 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng là có thể so sánh được.

1.5 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến BCTC

Từ đầu năm 2020, đại dịch COVID-19 có những ảnh hưởng gần như toàn bộ tới nền kinh tế Việt Nam. So với cùng kỳ năm trước thì doanh thu của Công ty giảm 19.565.672.619 đồng và Kết quả hoạt động năm 2020 của Công ty lỗ (18.435.848.608 đồng). Trong bối cảnh hoạt động sản xuất, kinh doanh chịu nhiều tác động do dịch COVID-19, Chính phủ đã và đang có nhiều chính sách nhằm hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn.

1.6 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2020, Công ty có các đơn vị phụ thuộc như sau:

Xí nghiệp Khai thác khoáng sản Bằng Lãng;
 Xí nghiệp Khai thác và Chế biến khoáng sản Chợ Đồn;
 Xí nghiệp Khai thác mỏ Nà Duồng;
 Xí nghiệp Khai thác mỏ Pù Sáp;
 Chi nhánh Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn tại Thái Nguyên;
 Chi nhánh Nhà máy nước khoáng AVA;
 Nhà máy chế biến rau quả nước giải khát Bắc Kạn;
 Chi nhánh Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn tại Hà Nội;
 Văn phòng đại diện tại thủ đô Vientiane – Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào;

Tại ngày 31/12/2020, Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết như sau:

Tên Công ty	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty con			
Công ty TNHH Việt Trung	Khai thác khoáng sản	100%	100%
Công ty liên kết			
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Du lịch Bó Nặm	Thương mại, du lịch	26,5%	26,5%
Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn Lào	Khai thác khoáng sản (Chưa hoạt động)	23%	23%

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng này được lập riêng cho Công ty và không bao gồm Báo cáo tài chính của các Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu - chi.

Các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào Công ty con: Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty con, liên doanh, liên kết: Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư (Công ty con, liên doanh, liên kết) bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào Công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác: việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư.

Khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư làm căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính hợp nhất, nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là công ty Mẹ. Nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là doanh nghiệp độc lập không có Công ty con, căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính của doanh nghiệp được đầu tư đó.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa Công ty mẹ và Công ty con, liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: Được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình**a. Nguyên tắc kế toán****Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

- Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Thời gian khấu hao</u> (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 09
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 06

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình (Tiếp theo)

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất. Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Thời gian khấu hao cụ thể:

	<u>Thời gian khấu hao</u> (Số năm)
Quyền sử dụng đất	20

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ thời gian phân bổ.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Chi phí phải trả của Công ty là chi phí lãi vay trích trước theo hợp đồng vay, lãi thanh toán vào cuối kỳ khi trả nợ gốc và các chi phí trích trước khác.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa;) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh riêng thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng hoạt động chính của Công ty là khai thác bán khoáng sản, hoạt động cung cấp dịch vụ và bán mặt hàng nước, rượu chiếm tỷ trọng rất nhỏ, không có bộ phận cung cấp dịch vụ chuyên trách, riêng biệt và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó Công ty không lập Báo cáo bộ phận.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Tiền mặt	409.717.630	301.535.967
Tiền gửi ngân hàng	1.097.480.011	2.259.716.236
Tổng	1.507.197.641	2.561.252.203

5.2 Phải thu của khách hàng

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	91.353.849.789	106.045.067.787
Công ty Cổ phần Kim loại màu Bắc Bộ	87.717.050.408	102.401.441.888
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Du lịch Bó Nặm	2.890.400.620	2.890.400.620
Các đối tượng khác (*)	746.398.761	753.225.279
<i>Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</i>	<i>90.607.451.028</i>	<i>105.293.990.511</i>
<i>(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 6.1)</i>		
Tổng	91.353.849.789	106.045.067.787

(*): Các đối tượng khác bao gồm khoản phải thu các khách hàng có số dư nhỏ hơn 10% tổng giá trị số dư công nợ phải thu khách hàng.

5.3 Trả trước cho người bán

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Công ty CP Composite và Công nghệ Ánh Dương- Lê Văn Thắng	868.216.000	-
Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - VIMICO	17.179.493.473	-
Các đối tượng khác (*)	2.369.493.174	3.245.200.207
Tổng	22.226.739.941	3.530.450.207

(*): Các đối tượng khác bao gồm khoản trả trước cho người bán có số dư nhỏ hơn 10% tổng giá trị số dư công nợ trả trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MÃU B 09 - DN

5.4 Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	1.735.003.288	-	1.927.990.388	-
- Ký cược, ký quỹ	100.000.000	-	-	-
Công ty Liên doanh	462.590.470	-	462.590.470	-
Kim loại màu Việt Bắc	592.801.276	-	849.020.376	-
Phải thu khác	579.611.542	-	616.379.542	-
Tạm ứng				
Dài hạn	55.137.521.337	-	50.025.042.201	-
Ký cược, ký quỹ	1.687.206.144	-	1.457.756.851	-
Công ty TNHH MTV	53.450.315.193	-	48.567.285.350	-
Việt Trung (*)				
Tổng	56.872.524.625	-	51.953.032.589	-

(*) Công ty chuyển tiền ứng vốn lưu động cho Công ty con - Công ty TNHH MTV Việt Trung phục vụ sản xuất kinh doanh theo thỏa thuận tại hợp đồng số 156 ngày 08/12/2016, lãi suất 0%.

5.5 Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	5.768.916.446	422.807.123	5.586.459.667	375.523.725
<i>Trong đó:</i>				
	Quá hạn trên 6 tháng	Quá hạn 1-2 năm	Quá hạn 2-3 năm	Quá hạn trên 3 năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Du lịch Bó Nặm	-	-	-	2.890.400.620
Các đối tượng khác	-	-	-	2.878.515.826
Tổng				5.768.916.446

(*) Công ty xác định có thể thu hồi các khoản nợ xấu bằng giá gốc của các khoản phải thu trừ dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi của các đối tượng này.

5.6 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	11.134.109.454	(1.451.340.984)	24.970.700.174	(1.451.340.984)
Công cụ, dụng cụ	1.057.600.710	-	1.499.705.669	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.607.237.805	-	8.200.635.761	-
Thành phẩm	87.378.874.425	-	48.881.977.832	-
Hàng hóa	31.380.067.511	-	27.584.076.511	-
Tổng	137.557.889.905	(1.451.340.984)	111.137.095.947	(1.451.340.984)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.7 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc, thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>TSCĐ hữu hình khác</u>	<u>Tổng</u>
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2020	92.634.200.033	81.548.885.121	8.836.121.653	344.630.205	1.932.653.469	185.296.490.481
Tăng trong năm	16.251.911.211	985.950.000	435.000.000	-	-	17.672.861.211
Mua trong năm	-	985.950.000	435.000.000	-	-	1.420.950.000
Đầu tư XDCB	16.251.911.211	-	-	-	-	16.251.911.211
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2020	108.886.111.244	82.534.835.121	9.271.121.653	344.630.205	1.932.653.469	202.969.351.692
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2020	47.114.209.492	54.707.433.567	5.072.442.042	320.387.793	1.923.226.851	109.137.699.745
Tăng trong năm	8.836.362.976	5.686.943.111	919.770.700	6.060.612	9.436.667	15.458.574.066
Khấu hao trong năm	8.836.362.976	5.686.933.062	919.770.700	6.060.612	9.436.667	15.458.564.017
Phân loại lại	-	10.049	-	-	-	10.049
Giảm trong năm	-	-	-	-	10.049	10.049
Phân loại lại	-	-	-	-	10.049	10.049
Số dư tại 31/12/2020	55.950.572.468	60.394.376.678	5.992.212.742	326.448.405	1.932.653.469	124.596.263.762
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2020	45.519.990.541	26.841.451.554	3.763.679.611	24.242.412	9.426.618	76.158.790.736
Tại 31/12/2020	52.935.538.776	22.140.458.443	3.278.908.911	18.181.800	-	78.373.087.930

Công ty đã thế chấp nhà xưởng và một số phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2020 là 40.575.779.151 đồng để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng (tại ngày 31/12/2019 là: 27.999.489.896 đồng).

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 57.381.073.486 đồng (tại ngày 31/12/2019 là: 48.203.838.641 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.8 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Tổng
NGUYỄN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2020	1.111.264.959	1.111.264.959
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2020	1.111.264.959	1.111.264.959
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2020	833.006.224	833.006.224
Tăng trong năm	79.502.496	79.502.496
Khấu hao trong năm	79.502.496	79.502.496
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2020	912.508.720	912.508.720
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2020	278.258.735	278.258.735
Tại 31/12/2020	198.756.239	198.756.239

5.9 Tài sản dở dang dài hạn

Đơn vị tính: VND

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	6.925.798.347	6.925.798.347	12.467.648.099	12.467.648.099
Nhà máy bột kẽm	-	-	3.678.956.378	3.678.956.378
Dự án mỏ Vàng Pác Lạng	3.791.282.154	3.791.282.154	3.831.282.154	3.831.282.154
Nhà máy luyện chì	200.015.229	200.015.229	3.367.908.603	3.367.908.603
Mở rộng nhà máy rau quả	1.589.500.964	1.589.500.964	1.589.500.964	1.589.500.964
Khoan thăm dò mỏ Bó Nặm	1.300.000.000	1.300.000.000	-	-
Các dự án khác	45.000.000	45.000.000	-	-
Tổng	6.925.798.347	6.925.798.347	12.467.648.099	12.467.648.099

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.10 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn*Đơn vị tính: VND*

	Tỷ lệ		31/12/2020			01/01/2020		
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty con			20.000.000.000	(20.000.000.000)		20.000.000.000	(20.000.000.000)	
Công ty TNHH MTV Việt Trung	100%	100%	20.000.000.000	(20.000.000.000)	(*)	20.000.000.000	(20.000.000.000)	(*)
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết			6.205.922.401	(1.475.086.581)		6.205.922.401	(1.475.086.581)	
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Du lịch Bó Nặm	26,50%	26,50%	1.475.086.581	(1.475.086.581)	(*)	1.475.086.581	(1.475.086.581)	(*)
Công ty CP Khoáng sản Bắc Kạn - Lào	23%	23%	4.730.835.820	-	(*)	4.730.835.820	-	(*)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			15.257.416.075	-		15.257.416.075	-	
Tổng Công ty Cổ phần khoáng sản Luyện kim Bắc Kạn			120.000.000	-	(*)	120.000.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An	5,41%	5,41%	15.137.416.075	-	(*)	15.137.416.075	-	(*)
Tổng			41.463.338.476	(21.475.086.581)		41.463.338.476	(21.475.086.581)	

(*): Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện nay không có hướng dẫn về các tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.11 Chi phí trả trước

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn	4.331.673.503	2.357.385.398
Chi phí nhà máy luyện chì	94.705.652	225.656.229
Chi phí công cụ, dụng cụ	401.255.168	535.535.600
Chi phí sửa chữa nhà máy bột kẽm - XNCD	2.659.953.871	1.191.334.137
Chi phí khác chờ phân bổ mỏ Nà Duông	1.175.758.812	404.859.432
Dài hạn	2.811.318.079	3.863.019.473
Chi phí lập hồ sơ khai thác mỏ Nà Pốp-Pù Sáp	503.238.185	647.020.524
Chi phí sửa chữa, cải tạo	628.132.229	990.251.439
Chi phí công cụ, dụng cụ	772.944.566	1.802.046.482
Chi phí khác chờ phân bổ	907.003.099	423.701.028
Tổng	7.142.991.582	6.220.404.871

5.12 Phải trả người bán

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	14.955.678.179	14.955.678.179	12.224.618.145	12.224.618.145
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên mã	4.719.696.962	4.719.696.962	1.359.467.600	1.359.467.600
Doanh nghiệp Tư nhân kinh doanh sản xuất Xây dựng Cường Lan	457.644.219	457.644.219	2.056.480.989	2.056.480.989
Công ty TNHH Vinamico	790.577.480	790.577.480	770.074.420	770.074.420
Phải trả người bán ngắn hạn khác (*)	8.987.759.518	8.987.759.518	8.038.595.136	8.038.595.136
<i>Trong đó: Phải trả tại các bên liên quan</i>	<i>4.719.696.962</i>	<i>4.719.696.962</i>	<i>1.359.467.600</i>	<i>1.359.467.600</i>
<i>(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 6.1)</i>				
Tổng	14.955.678.179	14.955.678.179	12.224.618.145	12.224.618.145

(*): Phải trả các đối tượng khác bao gồm khoản phải trả các nhà cung cấp có số dư nhỏ hơn 10% tổng giá trị số dư công nợ phải trả người bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.13 Thuế và các khoản thu, phải nộp nhà nước*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2020
Phải nộp	9.271.090.348	15.831.077,944	21.046.357.554	4.055.810.738
Thuế giá trị gia tăng	3.566.639.336	4.079.116,759	6.770.864.095	874.892.000
Thuế tiêu thụ đặc biệt	23.715.034	12.687,444	10.796.665	25.605.813
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.407.964.081	-	3.959.971.199	447.992.882
Thuế thu nhập cá nhân	127.336.280	163.013,757	266.464.286	23.885.751
Thuế tài nguyên	797.891.617	5.742.789,975	5.337.895.815	1.202.785.777
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	347.544.000	1.219.892,950	1.219.892.950	347.544.000
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	4.613.577,059	3.480.472.544	1.133.104.515
Phải thu	263.610.872	263.610,872	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	263.610.872	263.610,872	-	-

5.14 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Ngắn hạn	13.733.918.534	6.485.327.456
Chi phí lãi vay	9.714.649.607	4.383.506.756
Các khoản khác	4.019.268.927	2.101.820.700
Tổng	13.733.918.534	6.485.327.456

5.15 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Ngắn hạn	13.556.706.685	13.810.168.577
Kinh phí công đoàn	1.040.747.053	1.248.743.117
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	354.055.160	354.055.160
Tiền đặt cọc dự án mỏ vàng Pắc Lạng (1)	300.000.000	500.000.000
Công ty Liên doanh Kim loại màu Việt Bắc (2)	3.911.834.400	3.911.834.400
Công ty TNHH Thương mại Trường Phong (3)	6.739.200.000	6.739.200.000
Phải trả, phải nộp khác	1.210.870.072	1.056.335.900
Tổng	13.556.706.685	13.810.168.577

(1) Tiền đặt cọc theo các thỏa thuận đầu tư ký giữa Công ty với các cá nhân để thực hiện dự án khai thác mỏ vàng Pắc Lạng.

(2) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 10/HĐHTKD ngày 05/3/2008 giữa Công ty và Công ty Liên doanh Kim loại màu Việt Bắc với mục đích xây dựng Nhà máy luyện chì tại khu vực Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Tuy nhiên đến hiện tại Công ty Liên doanh Kim loại màu Việt Bắc đã rút khỏi dự án nhưng Công ty chưa trả lại số tiền.

(3) Phải trả chuyển tiền chuyển nhượng vốn góp tại Công ty TNHH Việt Trung.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.16 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

a. Vay ngắn hạn/dài hạn	31/12/2020		Phát sinh trong năm		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	185.937.048.942	185.937.048.942	212.860.452.080	172.975.902.875	146.052.499.737	146.052.499.737
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (1)	24.994.983.781	24.994.983.781	63.880.111.239	56.093.380.570	17.208.253.112	17.208.253.112
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (2)	29.999.249.270	29.999.249.270	64.230.340.841	64.175.522.305	29.944.430.734	29.944.430.734
Công ty Cổ phần Bến xe Quảng Ninh (3)	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An (4)	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	-	-	12.500.000.000	12.500.000.000	-	-
Hoàng Thị Thanh Hằng (5)	72.747.815.891	72.747.815.891	37.000.000.000	4.000.000.000	39.747.815.891	39.747.815.891
Nguyễn Thanh Hiến (5)	-	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Trần Minh Thành (5)	8.500.000.000	8.500.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	8.500.000.000	8.500.000.000
Vũ Phi Hồ (5)	3.390.000.000	3.390.000.000	-	-	3.390.000.000	3.390.000.000
Hoàng Thị Minh Nguyệt (5)	17.000.000.000	17.000.000.000	-	-	17.000.000.000	17.000.000.000
Vay ngắn hạn cá nhân khác (5)	13.305.000.000	13.305.000.000	13.250.000.000	8.207.000.000	8.262.000.000	8.262.000.000
<i>Trong đó: Vay ngắn hạn các bên liên quan - Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 6.1</i>	<i>39.551.000.000</i>	<i>39.551.000.000</i>	<i>12.000.000.000</i>	<i>12.000.000.000</i>	<i>37.472.000.000</i>	<i>37.472.000.000</i>
Vay dài hạn	10.000.000.000	10.000.000.000	5.000.000.000	-	5.000.000.000	5.000.000.000
Nguyễn Thanh Hiến (6)	10.000.000.000	10.000.000.000	5.000.000.000	-	5.000.000.000	5.000.000.000
Tổng	195.937.048.942	195.937.048.942	217.860.452.080	172.975.902.875	151.052.499.737	151.052.499.737

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.16 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Vay ngắn hạn

(1): Hợp đồng cho vay hạn mức số 25/2020-HĐCVHM/NHCT172-KHOANGSAN ngày 26/10/2020 ký với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Kạn. Hạn mức cho vay : 25.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn duy trì hạn mức: Từ ngày 26/10/2020 đến ngày 01/01/2021. Lãi suất được xác định theo từng Giấy nhận nợ. Biện pháp đảm bảo của Hợp đồng lần lượt là Hợp đồng thế chấp số 06-18/2017/HĐTC-KHOANGSAN ngày 07/02/2018 tài sản thế chấp là Quyền sử dụng và sở hữu với các hạng mục xây lắp của nhà máy luyện chì công suất 5000 tấn/Năm Giá trị tài sản thế chấp: 14.975.000.000 đồng; Hợp đồng thế chấp số: 20/2020/HĐBĐ/NHCT172 ngày 28/4/2020 Tài sản thế chấp là: máy vắt tinh quặng, máy thông gió ly tâm, máy nén khí trục vít, máy sấy không khí, lọc Hos, Biền tần, hệ thống túi lọc bụi lò sà, hệ thống rọ túi lọc bụi Giá trị tài sản thế chấp: 3.404.200.000 đồng; Hợp đồng thế chấp số: 19/2020/HĐBĐ/NHCT172 ngày 28/4/2020 Tài sản thế chấp : Hệ thống kênh làm lạnh; lò luyện chì mới; sân kho chứa nguyên liệu thuộc nhà máy luyện chì 5000 tấn. Giá trị tài sản thế chấp là: 4.136.000.000 đồng.

(2): Hợp đồng Tín dụng hạn mức số 02/2020/788949/HĐTD ký ngày 18/8/2020 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Kạn. Hạn mức tín dụng: 30.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này. Lãi suất: Thả nổi có điều chỉnh và được xác định theo từng hợp đồng vay cụ thể. Biện pháp bảo đảm: Các biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng cầm cố/thế chấp/bảo lãnh/ký quỹ được giao kết trước ngày, cùng ngày và sau ngày của Hợp đồng này.

(3): Hợp đồng cho vay tiền số 01/HĐCV-2020 ngày 16/11/2020 kèm theo phụ lục Hợp đồng số 15/PLHĐCV/2019 ngày 13/9/2019 bổ sung thời hạn vay giữa Công ty Cổ phần Bến xe Quảng Ninh với Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn. Số tiền vay: 4.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay: 6 tháng kể từ ngày bên Vay nhận được tiền của bên cho Vay. Lãi suất: 11%/năm.

(4): Hợp đồng vay vốn số 23/06/2020/HĐVV-CTBX ngày 23/06/2020 giữa Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An với Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn. Số tiền vay: 3.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày cho vay. Lãi suất 9%/năm; Hợp đồng vay vốn số 22/06/2020/HĐVV-CTBX ngày 22/06/2020 giữa Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An với Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn. Số tiền vay: 4.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày cho vay. Lãi suất 9%/năm; Hợp đồng vay vốn số 19/06/2020/HĐVV-CTBX ngày 19/06/2020 giữa Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An với Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn. Số tiền vay: 5.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày cho vay. Lãi suất 9%/năm.

(5): Các khoản vay cá nhân để bổ sung vốn lưu động, lãi suất khoản vay từ 0% đến 10,5%/năm.

Vay dài hạn

(6): Hợp đồng cho vay tiền số 100/HĐVT BKC-NTH ngày 21/12/2018 kèm phụ lục hợp đồng ký bổ sung thời hạn vay số 46/PLHĐ/BKC-NTH giữa Bà Nguyễn Thanh Hiền và Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn. Số tiền vay: 5.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày 21/12/2018. Lãi suất: 9%/năm; Hợp đồng cho vay tiền số 06/HĐVT 2019 BKC-NTH ngày 25/02/2019 kèm phụ lục hợp đồng ký bổ sung thời hạn vay số 02/PLHĐ/BKC-NTH giữa Bà Nguyễn Thanh Hiền và Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn. Số tiền vay: 5.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày 25/02/2019. lãi suất: 9%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.17 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2019	117.377.280.000	17.052.895.190	15.574.071.618	21.805.671.748	171.809.918.556
Lãi trong năm trước	-	-	-	15.156.332.926	15.156.332.926
Số dư tại 31/12/2019	117.377.280.000	17.052.895.190	15.574.071.618	36.962.004.674	186.966.251.482
Số dư tại 01/01/2020	117.377.280.000	17.052.895.190	15.574.071.618	36.962.004.674	186.966.251.482
Lỗ trong năm nay	-	-	-	(18.435.848.608)	(18.435.848.608)
Số dư tại 31/12/2020	117.377.280.000	17.052.895.190	15.574.071.618	18.526.156.066	168.530.402.874

Theo Nghị Quyết số 01/2020/NQ - ĐHĐCĐ ngày 29/6/2020, Đại hội đồng cổ đông năm 2020 có kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế sau thuế năm 2019 như sau: Bù lỗ năm 2018: 8.996.192.491 đồng; số lợi nhuận còn lại sau khi bù lỗ năm 2018: 3.776.997.497 đồng, bổ sung vào nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh.

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	30.000.000.000	30.000.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ ANB	20.637.450.000	20.637.450.000
Công ty Cổ phần Kim loại màu Bắc Bộ	5.615.000.000	5.615.000.000
Đặng Thanh Vân	6.392.830.000	6.392.830.000
Mai Văn Bàn	8.638.280.000	8.638.280.000
Vốn góp của đối tượng khác	46.093.720.000	46.093.720.000
Tổng	117.377.280.000	117.377.280.000

5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	117.377.280.000	117.377.280.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	117.377.280.000	117.377.280.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2020 Cổ phiếu	01/01/2020 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.737.728	11.737.728
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.737.728	11.737.728
Cổ phiếu phổ thông	11.737.728	11.737.728
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.737.728	11.737.728
Cổ phiếu phổ thông	11.737.728	11.737.728
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

5.18 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	214.619.177.986	234.184.850.605
Tổng	214.619.177.986	234.184.850.605

5.19 Giá vốn hàng bán

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm	208.315.865.825	199.905.153.897
Tổng	208.315.865.825	199.905.153.897

5.20 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	11.504.500	4.372.784.047
Tổng	11.504.500	4.372.784.047

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.21 Chi phí tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền vay	15.296.377.606	11.932.463.677
Trích lập dự phòng đầu tư Công ty con	-	9.632.000.000
Hoàn nhập dự phòng khoản đầu tư Công ty liên kết	-	(1.598.235.820)
Tổng	15.296.377.606	19.966.227.857

5.22 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	10.657.833.810	12.114.809.649
Chi phí nhân viên quản lý	7.313.076.862	8.525.444.983
Chi phí đồ dùng văn phòng	78.024.744	121.282.872
Chi phí khấu hao TSCĐ	477.986.601	458.251.332
Thuế phí và lệ phí	62.156.022	60.839.470
Chi phí dự phòng	146.773.381	462.669.781
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.265.316.066	960.530.268
Chi phí bằng tiền khác	1.320.300.134	1.560.337.573
Các khoản ghi giảm	(5.800.000)	(34.546.630)
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(5.800.000)	(34.546.630)
Tổng	10.657.833.810	12.114.809.649

5.23 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thu nhập khác		
Thu từ cho thuê TSCĐ	4.545.454.548	4.545.454.548
Lãi thanh lý tài sản	-	10.000.000.000
Thu nhập khác	94.403.433	166.685.088
Tổng	4.639.857.981	14.712.139.636
Chi phí khác		
Khấu hao TSCĐ cho thuê	170.979.780	87.447.820
Chi phí thanh lý tài sản	-	77.000.000
Lãi chậm nộp, phạt thuế	2.286.871.768	76.081.815
Chi phí phá dỡ tài sản	-	566.009.849
Chi phí hỗ trợ người lao động tạm hoãn HĐLĐ	381.420.625	-
Chi phí khác	597.039.661	1.361.339.276
Tổng	3.436.311.834	2.167.878.760
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	1.203.546.147	12.544.260.876

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.24 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(18.435.848.608)	19.115.704.125
Các khoản điều chỉnh tăng	2.526.371.768	681.151.870
<i>Chi phí không được trừ</i>	2.526.371.768	681.151.870
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận kế toán tính thuế TNDN	(15.909.476.840)	19.796.855.995
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN năm hiện hành	-	3.959.371.199
Tổng	-	3.959.371.199

5.25 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	182.707.962.637	124.730.769.900
Chi phí nhân công	42.696.394.019	45.077.122.067
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.538.066.513	19.187.131.946
Chi phí dự phòng	140.973.381	1.879.464.135
Chi phí dịch vụ mua ngoài	61.898.007.815	53.573.969.611
Chi phí khác bằng tiền	2.797.789.378	1.972.159.108
Tổng	305.779.193.743	246.420.616.767

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Thông tin về các bên liên quan****Bên liên quan****Mối quan hệ**

Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	Sở hữu 25,56% cổ phần BKC Ông Nguyễn Trần Nhất là Ủy viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc, đồng thời là Hội đồng Thành viên và sở hữu 70% vốn góp tại Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã.
Công ty TNHH Dịch vụ ANB	Sở hữu 17,58% cổ phần BKC
Công ty TNHH MTV Việt Trung	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Du lịch Bó Nặm	Công ty liên kết
Ông Vũ Phi Hồ	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Đinh Văn Hiến	Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trần Nhất	Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Quyền	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Gia Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Đình Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Đức Hùng	Thành viên BKS
Bà Trần Thị Yến	Kế toán trưởng

Trong năm, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Số dư với các bên liên quan

Biên liên quan	Tính chất giao dịch	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
1. Phải thu khách hàng		90.607.451.028	105.293.990.511
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Du lịch Bó Nặm	Bán hàng	2.890.400.620	2.890.400.620
Công ty TNHH Dịch vụ ANB	Bán hàng	-	12.000
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	Tiền thuê xưởng	-	2.136.003
Công ty Cổ phần Kim loại màu Bắc	Bán hàng	87.717.050.408	102.401.441.888
2. Phải trả người bán		4.719.696.962	1.359.467.600
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	Mua hàng	4.719.696.962	1.359.467.600
3. Phải thu khác		53.450.315.193	48.567.285.350
Công ty TNHH MTV Việt Trung	Mua hàng	53.450.315.193	48.567.285.350
4. Vay ngắn hạn		39.551.000.000	37.472.000.000
Công ty Cổ phần Bến xe Quảng Ninh	Vay	12.000.000.000	12.000.000.000
Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An	Vay	4.000.000.000	5.000.000.000
Chi nhánh Thái Nguyên	Vay	82.000.000	82.000.000
Ông Vũ Phi Hồ	Vay	3.390.000.000	3.390.000.000
Bà Hoàng Thị Minh Nguyệt	Vay	17.000.000.000	17.000.000.000
Bà Trần Thị Yến	Vay	447.000.000	-
Ông Bùi Đức Hùng	Vay	297.000.000	-
Ông Đinh Văn Hiến	Vay	497.000.000	-
Ông Đỗ Đình Thắng	Vay	447.000.000	-
Ông Nguyễn Trần Nhất	Vay	497.000.000	-
Ông Trần Văn Quyền	Vay	447.000.000	-
Ông Vũ Gia Hạnh	Vay	447.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**Giao dịch với các bên liên quan**

Giao dịch bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
1. Mua hàng			
Công ty TNHH MTV Việt Trung	Tinh quặng chì	9.268.996.900	13.861.984.500
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	Tinh quặng chì	8.266.505.400	17.137.514.491
	Thuê vận chuyên, chế biến	14.841.099.700	-
	Chi phí phân tích mẫu	1.712.727.273	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nguyễn Huy	Bộ điều áp	2.460.000	-
2. Bán hàng			
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	Tiền thuê xưởng Nước tinh khiết	4.545.454.548 6.250.908	4.545.454.548 -
Công ty Cổ phần Kim loại màu Bắc Bộ	Chì thời	199.706.671.100	186.408.221.116
3. Giao dịch khác			
Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An	Nhận vay	12.000.000.000	5.000.000.000
	Trả vay	12.000.000.000	12.000.000.000
	Lãi vay	603.928.767	21.172.603
Công ty Cổ phần bến xe Quảng Ninh	Nhận vay	4.000.000.000	5.000.000.000
	Trả vay	5.000.000.000	12.700.000.000
	Lãi vay	313.643.836	698.794.521
Bà Hoàng Thị Minh Nguyệt	Nhận vay	-	17.000.000.000
	Lãi vay	1.530.000.000	1.417.315.068
Bà Phạm Thị Lan	Lãi vay	112.191.781	127.693.151
	Nhận vay	-	11.200.000.000
	Trả vay	5.000.000.000	6.200.000.000
Bà Trần Thị Yến	Nhận vay	450.000.000	-
	Trả vay	3.000.000	-
	Lãi vay	11.107.706	-
Ông Bùi Đức Hùng	Nhận vay	300.000.000	-
	Trả vay	3.000.000	-
	Lãi vay	7.396.947	-
Ông Đinh Văn Hiến	Nhận vay	500.000.000	-
	Trả vay	3.000.000	-
	Lãi vay	12.344.692	-
Ông Đỗ Đình Thắng	Nhận vay	450.000.000	-
	Trả vay	3.000.000	-
	Lãi vay	11.107.562	-
Ông Nguyễn Trần Nhất	Nhận vay	500.000.000	-
	Trả vay	3.000.000	-
	Lãi vay	12.344.692	-
Ông Trần Văn Quyền	Nhận vay	450.000.000	-
	Trả vay	3.000.000	-
	Lãi vay	11.107.706	-
Ông Vũ Gia Hạnh	Nhận vay	450.000.000	-
	Trả vay	3.000.000	-
	Lãi vay	11.107.706	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và tiền lương của Tổng Giám đốc và Người quản lý khác:

Họ và tên	Chức danh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thù lao của Hội đồng Quản trị			
Ông Vũ Phi Hồ	Chủ tịch HĐQT	520.000.000	600.000.000
Ông Đinh Văn Hiến	Ủy viên	104.000.000	120.000.000
Ông Mai Thanh Sơn	Ủy viên	104.000.000	120.000.000
Ông Nguyễn Huy Hoàn	Ủy viên	104.000.000	120.000.000
Ông Nguyễn Trần Nhất	Ủy viên	104.000.000	120.000.000
Tổng		936.000.000	1.080.000.000
Thù lao Thành viên Ban Kiểm soát			
Ông Nguyễn Thế Phòng	Trưởng ban	41.600.000	48.000.000
Ông Đặng Thanh Vân	Thành viên	31.200.000	36.000.000
Ông Bùi Đức Hùng	Thành viên	31.200.000	36.000.000
Tổng		104.000.000	120.000.000
Tiền lương của TGD và người quản lý khác			
Ông Đinh Văn Hiến	Tổng Giám đốc	366.149.539	399.303.839
Ông Nguyễn Trần Nhất	Phó Tổng Giám đốc	292.412.193	319.188.934
Ông Vũ Gia Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	293.950.012	321.853.064
Ông Trần Văn Quyền	Phó Tổng Giám đốc	312.143.505	331.879.536
Ông Đỗ Đình Thắng	Phó Tổng Giám đốc	292.412.193	11.135.453
Bà Trần Thị Yến	Kế toán trưởng	244.133.821	265.427.367
Ông Đặng Lam Giang (Đến ngày 01/09/2020)	Người công bố thông tin	21.600.000	36.000.000
Ông Nguyễn Văn Vũ (Bổ nhiệm từ ngày 01/09/2020)	Người công bố thông tin	9.600.000	-
Tổng		1.832.401.263	1.684.788.193

**6.2 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPAVIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập

Trần Thị Tuyết

Kế toán trưởng

Trần Thị Yến
 Bắc Kạn, ngày 24 tháng 3 năm 2021
 Người đại diện pháp luật
**Đinh Văn Hiến**